

Số: 326 /2020/QĐST-HC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ: Khoản 5 điều 38, điểm g khoản 1, khoản 3 điều 143, điều 144, khoản 2 điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 3 điều 18 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 130/2020/TLST-HC ngày 13 tháng 5 năm 2020.

Xét thấy:

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án Hành chính yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân quận L đã cấp cho vợ chồng ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S để điều chỉnh lại nghĩa vụ tài chính mà ông M, bà S phải thực hiện.

Theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu giải quyết của ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S đã hết thời hiệu khởi kiện.

Lý giải cho việc đề đến ngày 30 tháng 10 năm 2019 ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S mới khởi kiện vụ án Hành chính yêu cầu hủy một phần quyết định trên, ông M và bà S trình bày: Ngày 29/10/2019, gia đình ông M và bà S có nhận được Thông báo số 5217/TB-CCT của Chi cục thuế quận L về việc nộp tiền sử dụng đất theo nội dung của Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND quận L. Theo Thông báo nộp thuế đất thì gia đình ông bà phải nộp 100% giá trị đất với số tiền là 568.260.000 đồng. Gia đình ông bà đã nộp số tiền này, tuy nhiên thấy rằng việc phải nộp 100% giá trị đất là không đúng quy định của pháp luật nên ông bà mới tiến hành khởi kiện. Đối với Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận L về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 18 ngách 366/8 N, phường N, quận L, Hà Nội, ông M và bà S đã được nhận vào ngày 17/11/2014. Theo Quyết định số 8169/QĐ-UBND thì ông bà phải thực hiện nộp 100% tiền sử dụng đất với diện tích 45.10m² đất ở đô thị trong hạn mức tại thời điểm công nhận quyền sử dụng đất. Ông, bà cho

rằng, theo điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì gia đình chỉ phải nộp 50% tiền sử dụng đất. Ngày 10/12/2014 ông M đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân quận L nhưng không được trả lời. Đơn khiếu nại này, ông M không gửi trực tiếp mà nhờ những gia đình cùng diện như gia đình ông trong khu tập thể nộp hộ nên không có phiếu xác nhận nhận đơn của Ủy ban nhân dân quận L. Đến ngày 25/12/2015, ông M lại trực tiếp nộp đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân quận L. Ngày 24/02/2016, Ủy ban nhân dân quận L có Thông báo số 78/TB-UBND trả lời cho ông M với nội dung “Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại với lý do đã hết thời hiệu khiếu nại”. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế cùng với việc phải đi công tác xa nên ông M không tiếp tục khiếu nại lần 2 hoặc khởi kiện đến Tòa án. Đến khi nhận được Thông báo số 5217/TB-CCT của Chi cục thuế quận L vào ngày 29/10/2019 về việc nộp tiền sử dụng đất, ông M và bà S mới nộp đơn khởi kiện.

Theo hồ sơ tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, xác minh của Tòa án cùng với lời khai của ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S thấy rằng:

Ông Đoàn Văn M được Hội đồng quản trị Công ty xây cổ phần xây lắp 1 thanh lý nhà tập thể A 1 thị trấn G. Quyết định thanh lý nhà vào ngày 24/10/2002 và đến ngày 28/02/2003 thì thủ tục thanh lý nhà đã hoàn thành.

Năm 2005, thực hiện chủ trương của Nhà nước, Công ty đã chuyển giao hồ sơ thanh lý nhà cho Ủy ban nhân dân phường N quản lý nhưng gia đình ông M không phải ký một văn bản nào cơ quan quản lý Nhà nước về căn hộ này, mặc dù hàng năm gia đình vẫn đóng thuế sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân phường N.

Năm 2012, ông M và bà S có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Ngày 15/10/2012, Phòng Tài nguyên môi trường Ủy ban nhân dân quận L có công văn số 937/TNMT-VPĐK trả lời như sau: Do trình tự thủ tục thanh lý nhà ở của Công ty xây cổ phần xây lắp 1 không đúng với các quy định của nhà nước vào thời điểm năm 2012 nên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Sau khi có Luật Đất đai năm 2013, gia đình ông M, bà S đã được Ủy ban nhân dân quận L cấp Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 17/11/2014, ông M và bà S mới nhận được quyết định 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 này. Theo Quyết định thì gia đình ông M phải thực hiện nộp 100% tiền sử dụng đất với diện tích 45.10m² đất ở đô thị trong hạn mức tại thời điểm công nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/12/2014, ông M đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân quận L

đề nghị xem xét lại về nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, nhưng không được trả lời. Theo ông M trình bày, Đơn khiếu nại của ông M không gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân quận L mà nhờ những gia đình cùng diện như gia đình ông trong khu tập thể nộp hộ nên không có phiếu xác nhận nhận đơn của Ủy ban nhân dân quận L.

Ngày 22/7/2016, Ủy ban nhân dân phường N có thông báo gửi ông Đoàn Văn M về việc nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 07/01/2015, Ủy ban nhân dân phường N có thông báo số 03/TB-UBND gửi ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S về việc kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 01/12/2015, Ủy ban nhân dân phường N có thông báo số 835/TB-UBND gửi ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S về việc kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Đến ngày 25/12/2015, ông M lại trực tiếp nộp đơn khiếu nại cho Ủy ban nhân dân quận L. Ngày 24/02/2016, Ủy ban nhân dân quận L có Thông báo số 78/TB-UBND trả lời cho ông M với nội dung “Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại với lý do đã hết thời hiệu khiếu nại”. Thông báo này ông M được nhận sau khoảng 1 tuần kể từ ngày Ủy ban nhân dân quận L ban hành Thông báo. Sau khi nhận được Thông báo này, ông M không thực hiện việc khiếu nại tiếp theo hoặc nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án.

Ngày 15/6/2018, Chi cục thuế quận L ban hành Thông báo số 13647/TB-CCT-LPTB&TK về việc ghi nợ tiền sử dụng đất gửi ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S trong đó nêu rõ ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S được ghi nợ tiền sử dụng đất 05 năm theo quy định kể từ thời điểm công nhận quyền sử dụng đất với số tiền 568.260.000 đồng.

Ngày 29/10/2019, ông M và bà S có nhận được Thông báo số 5217/TB-CCT của Chi cục thuế quận L về việc nộp tiền sử dụng đất theo nội dung của Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận L. Theo Thông báo nộp thuế đất thì ông M và bà S phải nộp 100% giá trị đất với số tiền là 568.260.000 đồng, ông M và bà S đã nộp xong số tiền này.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân quận L đã cấp cho vợ chồng ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S để điều chỉnh lại nghĩa vụ tài chính mà ông M, bà S phải thực hiện.

Theo Khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính đã quy định về thời hiệu khởi kiện như sau:

“ 1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.”

Theo Khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính đã quy định như sau:

“ 3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.”

Như vậy, tính đến thời điểm ông M và bà S nộp đơn khởi kiện thì yêu cầu khởi kiện của ông M, bà S được xác định là hết thời hiệu khởi kiện và căn cứ theo khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thì ông M, bà S mất quyền khởi kiện.

Các lý do ông M và bà S đưa ra để cho rằng khởi kiện không đúng thời hạn luật định vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 143 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

I. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 130/2020/TLST-HC ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai giữa:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông **Đoàn Văn M**, sinh năm 1952
2. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1955

Cùng nơi ở: Số 18/366/8 N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

(Bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho ông Đoàn Văn M)

*** Người bị kiện:**

Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội

Trụ sở: Số 1 phố V, phường VH, quận L, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hà Nội

Trụ sở: Số 41 Nguyễn S, phường N, quận L, thành phố Hà Nội

II. Về án phí: Do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị S là Người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không xem xét xử lý khi đình chỉ giải quyết vụ án.

III. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Lam

